

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 515 /2015/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự, thủ tục đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC GIANG

ĐẾN

Số: Q.6.4.8.....

Ngày: 30/10/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Chuyên: Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 544/TTr-TNMT ngày 11 tháng 9 năm 2015; Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 240/BC-STP ngày 15 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

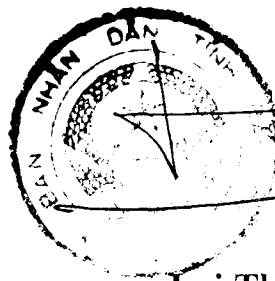
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 130/2012/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số trình tự, thủ tục đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.


Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tư Pháp;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và cơ quan đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, các chuyên viên, TT TH-CB;
- Lưu: VT, MT.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lại Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 515 /2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định trình tự, thủ tục đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; đề án bảo vệ môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây gọi chung là phương án cải tạo, phục hồi môi trường) đối với các dự án, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Các nội dung khác về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

2. Trong trường hợp sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu phát hiện hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo và hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân một lần duy nhất để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Điều 4. Trình tự, thời gian thẩm định

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

Thành phần Hội đồng thẩm định có ít nhất 07 (bảy) thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; thành viên là đại diện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi cơ sở hoạt động, cơ quan, ban, ngành liên quan, một số chuyên gia về môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

3. Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản gửi đến tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Chính sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ sau thẩm định theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định, tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT và gửi về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Quá thời hạn

này, Hội đồng thẩm định giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hủy kết quả thẩm định.

3. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được thông qua hoặc bị hủy kết quả thẩm định: Tổ chức, cá nhân lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa và gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường cho tổ chức, cá nhân 01 bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án 01 bộ; gửi quyết định phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (đối với dự án thực hiện trong khu công nghiệp), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 7. Kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức phải nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án để được xác nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo khoản 2 Điều 12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

3. Trình tự, thời gian thực hiện kiểm tra, xác nhận

a) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập Đoàn kiểm tra.

Thành phần Đoàn kiểm tra không quá bảy (07) thành viên, gồm: Trưởng đoàn là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; thành viên đoàn là đại diện các

sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi thực hiện dự án, một số chuyên gia về môi trường.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thành lập Đoàn kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra và báo cáo kết quả. Trường hợp cần thiết phải lấy mẫu đối chứng, thời hạn tiến hành kiểm tra tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp giấy xác nhận hoặc có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân về việc công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu.

Chương III

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án theo quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT nộp hồ sơ đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 32 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT nộp hồ sơ đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án đầu tư để xác nhận đăng ký.

Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

Điều 9. Trình tự, thời gian xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Sau khi ký kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận đăng ký

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy xác nhận kèm theo kế hoạch bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi triển khai dự án; gửi giấy xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai dự án, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp dự án đầu tư trong khu công nghiệp).

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi giấy xác nhận kèm theo kế hoạch bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai dự án; gửi giấy xác nhận đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp dự án đầu tư trong khu công nghiệp).

Chương IV
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Mục 1

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

Điều 10. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi chung là Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT.

2. Trong trường hợp sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu phát hiện hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo và hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân một lần duy nhất để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thời gian thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Thành phần đoàn kiểm tra, thẩm định có ít nhất bảy (07) thành viên, bao gồm: Trưởng đoàn là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; thành viên là đại diện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi cơ sở hoạt động, cơ quan, ban, ngành liên quan, một số chuyên gia về môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định và trình phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây viết chung là cơ quan thường trực thẩm định) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định.

4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định, Trưởng đoàn kiểm tra, thẩm định có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định.

5. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 12. Chỉnh sửa, hoàn thiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ sau thẩm định theo điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết và gửi hồ sơ sau thẩm định theo điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Quá thời hạn này, Đoàn kiểm tra, thẩm định giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hủy kết quả thẩm định.

3. Trường hợp đề án bảo vệ môi trường chi tiết không được thông qua hoặc bị hủy kết quả thẩm định: Tổ chức, cá nhân lập lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết và thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo thông báo kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bì của đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bì và gửi quyết định phê duyệt kèm theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho tổ chức, cá nhân 01 bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động 01 bộ; gửi quyết định phê duyệt đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 14. Kiểm tra thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trách nhiệm kiểm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Mục 2

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN

Điều 15. Hồ sơ đề nghị đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 10 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT nộp hồ sơ đề nghị đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với những cơ sở thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 10 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT nộp hồ sơ đề nghị đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với những cơ sở thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT.

3. Hồ sơ đề nghị đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT.

Điều 16. Trình tự, thời hạn xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

1. Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Sau khi đề án bảo vệ môi trường đơn giản được xác nhận đăng ký

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi giấy xác nhận kèm theo đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động; gửi giấy xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hoạt động, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp cơ sở trong khu công nghiệp).

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi giấy xác nhận kèm theo đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hoạt động; gửi giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp cơ sở trong khu công nghiệp).

Chương V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 17. Hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi qua đường bưu điện.

Hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây gọi chung là Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT).

2. Trong trường hợp sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu phát hiện hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo bằng văn bản và hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân một lần duy nhất để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Điều 18. Trình tự, thời gian thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

Hội đồng thẩm định ít nhất 07 (bảy) thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; thành viên là đại diện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động, cơ quan, ban, ngành liên quan, một số chuyên gia về môi trường, khoáng sản.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

4. Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

5. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân.

Điều 19. Chính sửa, bổ sung phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Đối với trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường lập tờ

trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau thẩm định về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp thông qua sau khi chỉnh sửa bổ sung: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Quá thời hạn này, Hội đồng thẩm định giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hủy kết quả thẩm định.

3. Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường không được thông qua hoặc bị hủy kết quả thẩm định: Tổ chức, cá nhân lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bì của phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bì và gửi quyết định phê duyệt kèm theo phương án cải tạo phục hồi môi trường cho tổ chức, cá nhân 01 bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án 01 bộ; gửi Quyết định phê duyệt đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 21. Trình tự, thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần và toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án đã được phê duyệt nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

3. Trình tự, thời gian thực hiện kiểm tra, xác nhận

a) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra.

Thành phần Đoàn kiểm tra không quá 07 (bảy) thành viên, bao gồm: Trưởng đoàn là Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; thành viên đoàn là đại diện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản, một số chuyên gia về môi trường, khoáng sản, Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra và báo cáo kết quả. Trường hợp cần thiết phải lấy mẫu đối chứng, thời hạn tiến hành kiểm tra tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp giấy xác nhận hoặc thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện Quy định này.

b) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tiếp nhận và tổ chức xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền.

c) Tổ chức đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

d) Chịu trách nhiệm tổ chức tổng hợp, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, xem xét, đánh giá việc phê duyệt, xác nhận và thực hiện các thủ tục về môi trường nêu tại Quy định này, đề xuất cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý và hàng năm xây dựng báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc xác nhận, đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền.

e) Quản lý đối với đơn vị tư vấn, dịch vụ quan trắc môi trường. Hàng năm tổ chức xem xét, đánh giá và công bố danh sách những đơn vị tư vấn, dịch vụ quan trắc môi trường không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: Cử công chức tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định. Cử công chức tham gia kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường; kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn; chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cử công chức tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định. Cử công chức tham gia kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường; kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

3. Tiếp nhận và xử lý các ý kiến đề xuất, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

4. Trước ngày 30/11 hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện Quy định này về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức, chỉ đạo, tạo nguồn lực cho các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện quy định này định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân tổ chức tham vấn cộng đồng về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, xác nhận trên địa bàn.

3. Bố trí và duy trì thuận lợi khu vực để tổ chức, cá nhân niêm yết công khai thông tin về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án trên địa bàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để được hướng dẫn lập hồ sơ về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án, cải tạo phục hồi môi trường.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường đề nghị phê duyệt, xác nhận.

3. Quá trình lấy mẫu quan trắc môi trường, thi công công trình xử lý chất thải tại địa điểm triển khai dự án phải có sự giám sát của cơ quan chuyên môn của nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh (đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp tỉnh), cấp huyện (đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp huyện) và đại diện Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với những dự án, cơ sở thực hiện trong khu công nghiệp.

4. Thực hiện các nội dung liên quan khác nêu tại Quy định này.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn, dịch vụ quan trắc môi trường

1. Đơn vị tư vấn về môi trường đáp ứng đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Đơn vị dịch vụ quan trắc môi trường đáp ứng đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả quan trắc môi trường, tư vấn các dịch vụ về môi trường có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, cá nhân và trước pháp luật về nội dung đã tư vấn và các thông tin, số liệu do mình tạo lập, thực hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đề án cải tạo, phục hồi môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lai Thanh Sơn